



xià tiān

夏天

Noun · summer

Example Sentences

wǒ qù nián xià tiān qù le běi jīng lǚ yóu
我去年夏天去了北京旅游。

I traveled to Beijing last summer.

xià tiān hē qì shuǐ hěn jiě kě
夏天喝汽水很解渴。

Drinking soda in summer is very
thirst-quenching.

xià tiān chī xī guā hěn jiě kě
夏天吃西瓜很解渴。

Eating watermelon in summer is very
thirst-quenching

Trace each character, then write the word on your own.

夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏	夏
夏	夏									

天	天	天	天	天	天	天				
